

Bản án số: 30/2022/DS-PT

Ngày: 28-4-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Chiếu.

Các Thẩm phán: Ông Mai Tấn Hoàng;

Bà Vũ Ngọc Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:** Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2021/DS-PT ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS-ST ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2021/QĐ-PT ngày 26/10/2021, các Quyết định hoãn phiên tòa, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn T, phường T, huyện H, tỉnh Bình Định. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Hồ Văn H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Giữa bà D và bà Nguyễn Thị N thông qua bà Nguyễn Thị H, có quan hệ mua bán hải sản (cá cơm) với nhau. Sau nhiều lần mua bán, thanh toán và chốt lại bà N còn nợ bà D số tiền 75.340.000 đồng. Ngày 10/4/2020, bà N có nhờ ông Hồ Văn H trả cho bà D 30.000.000 đồng, nhưng sau đó bà N nói là đã đưa đủ

75.340.000 đồng, bà D không đồng ý vì bà D chỉ nhận từ ông H 30.000.000 đồng, nên bà N còn nợ lại số tiền 45.340.000 đồng. Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền 45.340.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Việc mua bán cá giữa bà N và bà D thông qua bà Nguyễn Thị H, số tiền 45.340.000 đồng mà bà D khởi kiện, bà N đã đưa cho ông Hồ Văn H 100.000.000 đồng là lái xe thường chở hải sản (cá) cho bà N mang ra giao đủ cho bà Nguyễn Thị H để bà H trả cho bà D 75.340.000 đồng vào ngày 10/4/2020 Âm lịch. Việc mua bán, trả tiền giữa bà N và bà D đều do bà H nhận hàng và giao trả tiền nên số tiền nợ bà D 75.340.000 đồng bà N đã giao đủ cho bà H trả cho bà D. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 10/4/2020 Âm lịch bà H nhận 100 triệu đồng của bà N gửi cho ông Hồ Văn H mang ra đưa cho bà H để bà H trả tiền cho bà D 75.340.000 đồng là đúng. Sau khi nhận tiền từ ông H, bà H lấy 75.340.000 đồng đưa lại cho ông H để ông H ra đưa cho bà D. Ông H nhận tiền nhưng không kiểm đếm. Còn ông H giao tiền cho bà D như thế nào thì không rõ. Do đó, số tiền 45.340.000 đồng bà H đã đưa cho ông H trả cho bà D, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông Hồ Văn H trình bày: Ông H có nhận 100.000.000 đồng từ bà Nguyễn Thị N mang ra giao đủ cho bà Nguyễn Thị H để bà H trả cho bà D 75.340.000 đồng. Sau đó, ông H về ngủ thì bà H bảo ông H chạy xe ra Sa Huỳnh để chở cá, khi đi bà H đưa cho anh 01 cọc tiền để ra đưa cho bà D, ông H cầm tiền không kiểm đếm cũng không hỏi bao nhiêu. Sau khi đến Sa Huỳnh ông H đã đưa cọc tiền trên cho bà D, lúc bà D nhận và kiểm đếm ông H có đếm theo đúng 30.000.000 đồng, bà D nói đủ 30.000.000 đồng thì ông H nói tiếp “thiếu đủ gì chị liên hệ với bà H”. Một tháng sau, bà D gọi điện nói với ông H là “bà H chỉ đưa 30.000.000 đồng mà bà H nói đưa đủ 75.340.000 đồng”, tôi cũng không biết nên bà D mới kiện đòi bà N số tiền 45.340.000 đồng. Đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS-ST ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 430, 433, 440, 468, 357 của Bộ luật dân sự; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị D số tiền 45.340.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*) về khoản hợp đồng mua bán tài sản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/6/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 03/12/2021, bị đơn có đơn bổ sung kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn vì không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày và nội dung kháng cáo, bổ sung kháng cáo.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến trình bày.
- Ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm; Bác đơn khởi kiện của nguyên đơn vì không có căn cứ buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị D số tiền 45.340.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Xét kháng cáo, bổ sung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch mua bán cá và trả tiền giữa bà N với bà Nguyễn Thị D, tất cả đều thông qua bà Nguyễn Thị H đảm trách. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm qua nhiều lần hòa giải và đối chất giữa các bên đương sự ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Thị H thừa nhận có nhận số tiền 100.000.000 đồng của bà N để bà H trả cho bà D 75.340.000 đồng vào ngày 10/4/2020 Âm lịch (Trong đó có cả số tiền 45.340.000 đồng mà bà D đang tranh chấp) nên đủ cơ sở khẳng định việc giao, nhận tiền giữa bà H, ông H với bà D là đúng thực tế. Còn việc giao, nhận và trả tiền giữa bà H, ông H với bà D mới làm phát sinh tranh chấp nên bà N không còn nghĩa vụ gì trong phát sinh tranh chấp giữa bà H, ông H với bà D. Vì nghĩa vụ trả nợ của bà N đã được chuyển giao cho bà H kể từ khi bà H nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng từ bà N vào ngày 10/4/2020 Âm lịch.

[3] Mặt khác, việc mua bán cá và trả tiền giữa bà N với bà D đều do bà H ghi chép sổ sách, theo dõi nhận hàng và giao trả tiền giữa bà H với bà D, nhưng bà D tự trình bày chưa nhận số tiền 45.340.000 đồng từ bà N đã gửi cho ông Hồ Văn H mang ra chuyển giao cho bà H nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng để trả cho bà D 45.340.000 đồng nên đã làm phát sinh tranh chấp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, chứng minh làm rõ người có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền 45.340.000 đồng ở đây chính là bà Nguyễn Thị H chứ không phải bà Nguyễn Thị N. Cụ thể: Phải có đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh xác định bà N còn nợ bà D số tiền 45.340.000 đồng hay bà N đã chuyển giao số tiền 45.340.000 đồng cho bà H để bà H thực hiện nghĩa vụ trả

tiền cho bà D, vấn đề này chưa được làm rõ ở cấp sơ thẩm. Bởi lẽ, việc mua bán cá và trả tiền giữa bà N với bà D đều do bà H nhận hàng và giao trả tiền nên cần thiết phải làm rõ chủ thể trong quan hệ giao dịch dân sự thông qua người thứ ba, nhằm xác định quyền khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N hay bà Nguyễn Thị H để buộc họ thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mua bán hải sản (cá cơm) nêu trên, để có cơ sở vững chắc xác định đúng chủ thể bị kiện, bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

[4] Tuy nhiên, việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ và làm rõ ở cấp sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm đã được bổ sung đầy đủ. Thông qua Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định và Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi thể hiện rõ tại các Biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị H ngày 17/01/2022; bà Nguyễn Thị D ngày 07/3/2022 nên có đủ căn cứ xác định đúng chủ thể bị kiện là bà Nguyễn Thị H, mới bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự và cũng chính đây là vấn đề phát sinh tình tiết mới tại phiên tòa cấp phúc thẩm.

[5] Từ những căn cứ trên, thấy rằng nội dung kháng cáo, bổ sung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N là có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa toàn bộ bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tại phiên tòa là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

Bà Nguyễn Thị D được quyền khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Văn H bằng vụ kiện khác theo quy định pháp luật, khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Do kháng cáo, bổ sung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N được chấp nhận và sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; sửa Bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 274, Điều 275, Điều 276, Điều 280, Điều 430, Điều 433, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D về việc “Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị D số tiền 45.340.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*)”.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu 2.267.000 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 1.133.500 đồng (Một triệu một trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 0004467 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An nên còn phải nộp 1.133.500 đồng (Một triệu một trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Hoàn lại cho bị đơn bà Nguyễn Thị N 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại Biên lai thu tiền số 0004683 ngày 20/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên(2);
- TAND huyện Tuy An(2);
- CC THADS huyện Tuy An;
- P.NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Chiu